



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2011**







I. Lịch sử hoạt động công ty

Những cột mốc quan trọng	7	23
Điểm nổi bật trong HĐSXKD	8	25
Định hướng phát triển	9	26

II. Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức công ty	10	
Tóm tắt lý lịch cá nhân ban Điều hành	11	41

III. Báo cáo Hội đồng Quản trị

Những con số ấn tượng 2011	13	
Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011	14	43
Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011	14	43
Tình hình đầu tư	15	43
Triển vọng trong tương lai	15	

IV. Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

Kết quả HĐSXKD năm 2011	16	45
Báo cáo tình hình tài chính	17	47
Kế hoạch SXKD năm 2012	20	

V. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011

Bảng cân đối kế toán	
Bảng kết quả HĐSXKD	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
Thuyết minh báo cáo tài chính	

VI. Ý kiến Kiểm toán độc lập & Ban kiểm soát

Ý kiến Kiểm toán độc lập	42
Ý kiến Ban kiểm soát	

VII. Các công ty liên quan

Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn CP	
Công ty nắm giữ trên 50% vốn CP	
Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan	

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị công ty

Hoạt động của HĐQT trong năm 2011	
Hoạt động của Ban kiểm soát	
Công tác quan hệ cổ đông	

IX. Các hoạt động của Công ty



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIỆT NAM trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực

SỨ MỆNH

Xây dựng và phát triển công ty cổ phần CNG VIỆT NAM bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, LNG dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường

CNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũng Tàu, tháng 03 năm 2012

Kính thưa quý vị cổ đông.

Năm 2011 chứng kiến nhiều biến động của nền kinh tế Việt Nam. Tình hình lạm phát trong nước vẫn ở mức cao. Lãi suất cho vay của các Ngân hàng biến động liên tục theo xu hướng tăng mạnh, có khi lên đến 20% - 25%. Những tác động này đã gây ra không ít khó khăn cho tất cả các công ty trong đó có CNG VIETNAM.

Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định, sự chuẩn bị chu đáo và nỗ lực vượt bậc, CNG VIETNAM đã có một năm làm việc thắng lợi, hoàn thành vượt tất cả chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong suốt 05 năm tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc và trang thiết bị hiện đại, nay CNG VIETNAM đã đảm bảo cung cấp khí ổn định, liên tục cho từng khách hàng theo đúng phương châm của công ty đã đề ra "Đem nguồn năng lượng sạch đến mọi nơi".

Với mong muốn giúp khách hàng sử dụng khí hiệu quả và phù hợp nhất, CNG VIETNAM luôn coi trọng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn khách hàng, công tác bảo trì, giám sát máy móc thiết bị, đường ống.

Năm 2012 chắc chắn là một năm còn nhiều khó khăn và thử thách nhưng cũng được xem là cơ hội đối với những công ty có chiến lược rõ ràng. Quý cổ đông chắc chắn sẽ tiếp tục ủng hộ HĐQT và Ban Giám Đốc thực hiện tốt mục tiêu mà chúng ta đã đề ra. Và đặc biệt cá nhân tôi và HĐQT tin rằng, tiếp tục với chiến lược dài hạn cũng như các chính sách, trọng tâm kinh doanh và quản trị hiệu quả sẽ giúp Công ty hoàn thành thắng lợi mục tiêu kinh doanh 2012 và nâng thương hiệu CNG VIETNAM lên một tầm cao mới, đảm bảo gia tăng lợi ích lâu dài của quý cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của các Quý Cổ đông, các khách hàng và các nhà đầu tư trong và ngoài nước để Công ty có sự phát triển bền vững trong thời gian qua, đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tôi cũng xin gửi lời tri ân tới sự lao động sáng tạo của cán bộ nhân viên, những người đã có đóng góp quan trọng nhất cho thành công của Công ty hôm nay.

Trân trọng!



Vũ Tuấn Ngọc



**Năm 2012
chắc chắn
là một năm
còn nhiều
khó khăn và
thử thách
nhưng cũng
được xem là
cơ hội đối
với những
công ty có
chiến lược
rõ ràng.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

(mã chứng khoán: CNG)

- Tên tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Logo của Công ty:

CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
CNG VIETNAM



- Vốn điều lệ: 203.120.380.000 đồng (Hai trăm lẻ ba tỷ một trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)
- Trụ sở chính: Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Tp.Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 3574 635- Fax: (064) 3574 619
- Website: www.cng-vietnam.com
- Email: info@cng-vietnam.com

Giấy chứng nhận đầu tư số: 492032000040 (Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 10 năm 2011 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp)

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
- Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật;
- Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí;
- Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

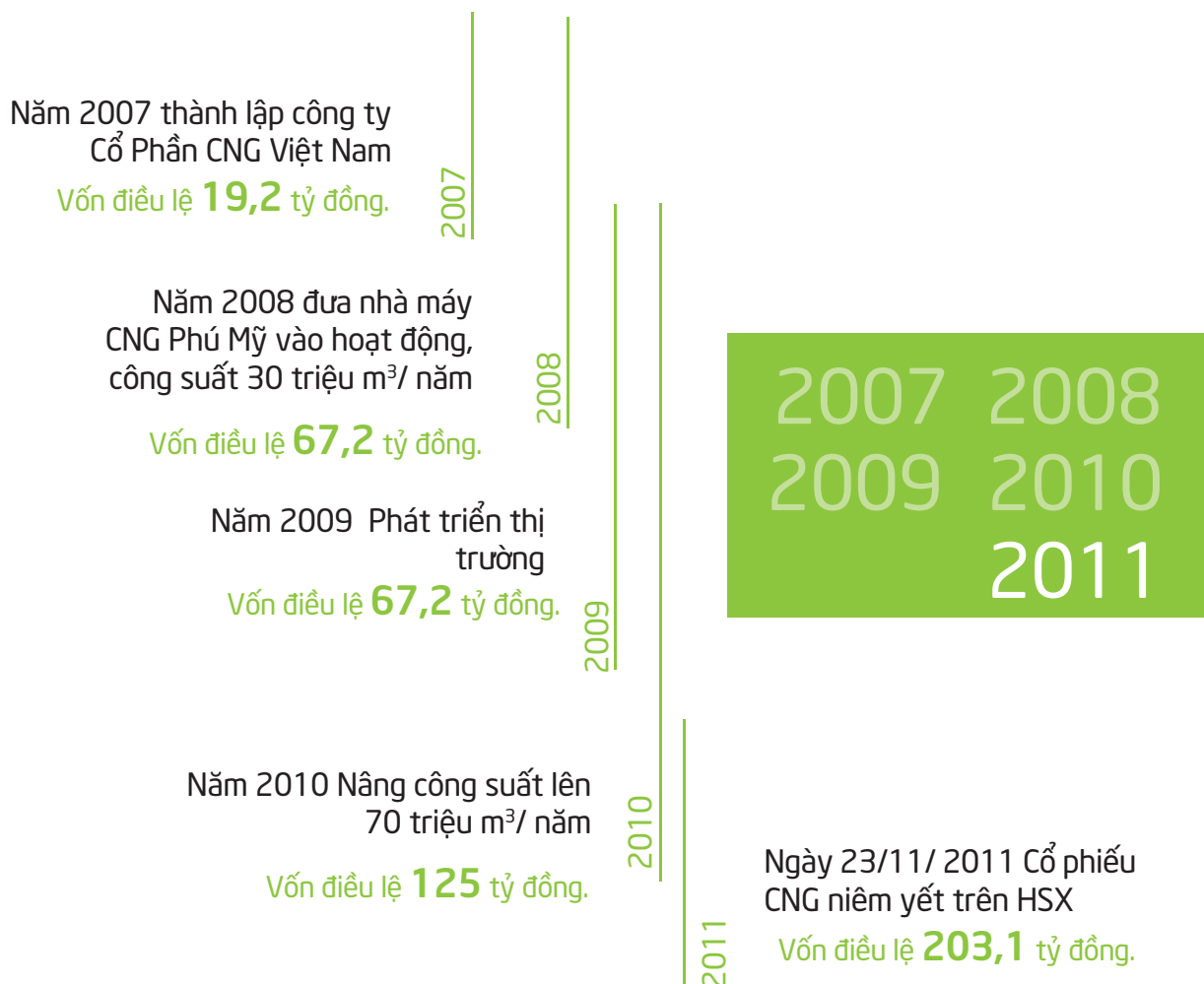


I. Lịch Sử Hoạt Động Công Ty

1. Những cột mốc quan trọng

CNG VIETNAM

Được thành lập từ năm 2007 với những cột mốc đánh dấu quá trình phát triển như sau:



Lịch sử Hoạt Động Công Ty

2.Điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Thử thách bước đầu: Năm 2008 - giai đoạn đầu mới đưa khí CNG ra thị trường, quan ngại về những tính ưu việt của sản phẩm, rất ít khách hàng sử dụng khí CNG.

Khẳng định ưu điểm: Năm 2009 – nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Nhiều doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản do chi phí tăng cao. Do đó, tiêu chí tiết kiệm chi phí, đặc biệt là chi phí nhiên liệu được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Lúc này, khí CNG đã có cơ hội để thể hiện mình, khi giúp doanh nghiệp giảm được 20% chi phí nhiên liệu. Chính ưu điểm này, số lượng khách hàng sử dụng CNG không ngừng tăng lên chỉ trong một thời gian ngắn như Công ty cổ phần cà phê Trung Nguyên, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, Công ty Friesland Com-pina Việt Nam, Công ty Gạch men,....



Phát triển vượt bậc: Từ cuối năm 2010 đầu năm 2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh chính thức đi vào hoạt động cho đến nay, CNG VIETNAM chính thức cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Long An. CNG VIETNAM đang tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG VIETNAM thông qua việc chuẩn bị thực hiện các dự án.

Đảm bảo chất lượng: Luôn xem chất lượng sản phẩm là chìa khóa để thành công nên từ ngày thành lập đến nay CNG VIETNAM đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO: 1400: 2004 và đã được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/7/2010.



Thành quả khả quan: Từ khi thành lập đến nay, hoạt động sản xuất và chiết nạp khí nén thiên nhiên CNG là hoạt động cốt lõi của Công ty, phục vụ cho các khách hàng sử dụng nhiên liệu trong các khu công nghiệp. Với đội ngũ quản lý và công nhân lành nghề, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty đã ngày càng tạo được uy tín với khách hàng, từ đó mang lại kết quả kinh doanh đáng khích lệ cho Công ty.



3. Định hướng phát triển

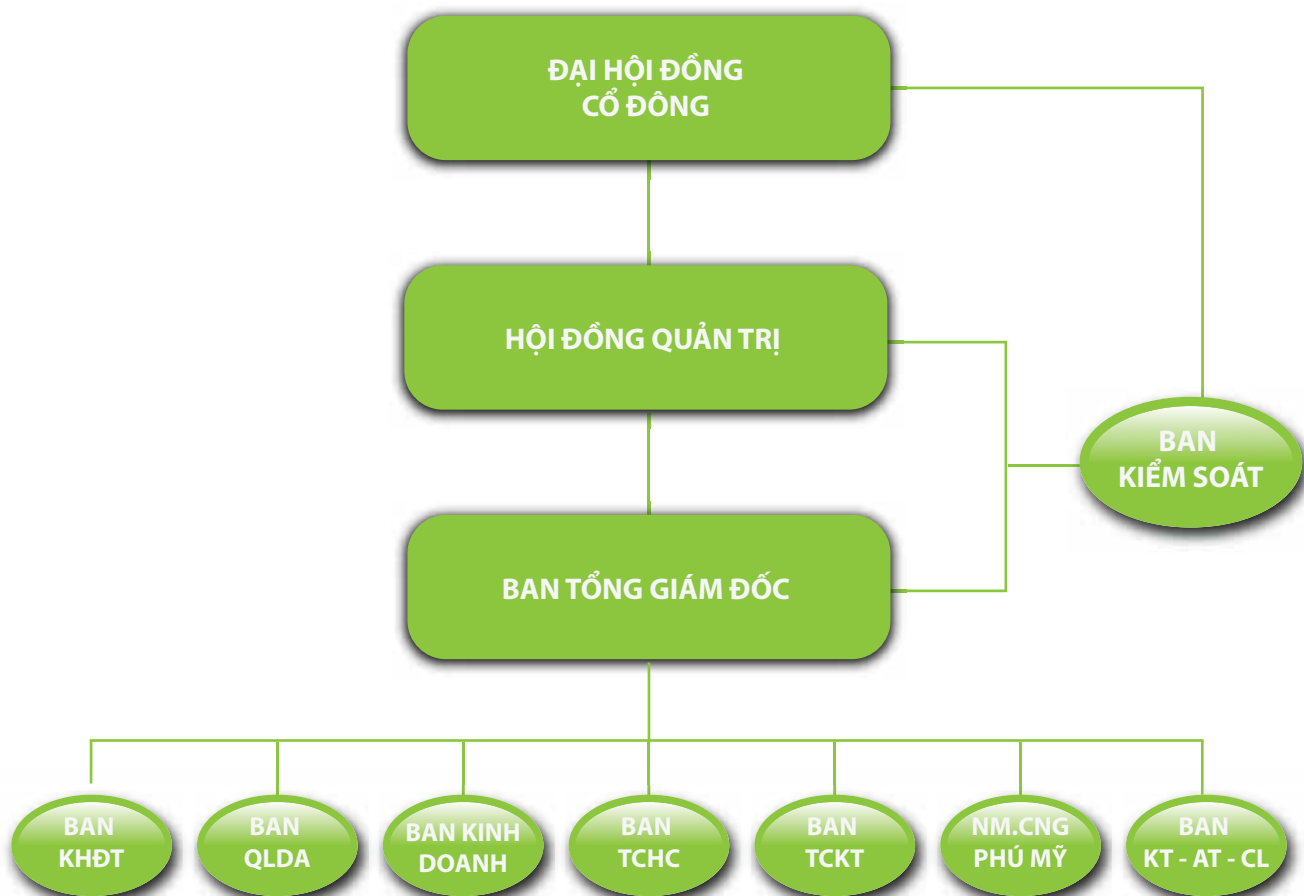
- Xây dựng CNG VIETNAM trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- Phát triển CNG VIETNAM theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.



II. Tổ chức & nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân ban điều hành

	Ông VŨ TUẤN NGỌC Chủ tịch hội đồng quản trị Sinh năm 1957 Kỹ sư kinh tế
	Ông ĐẶNG VĂN VĨNH Thành viên HĐQT - Kiêm Tổng Giám Đốc. Sinh năm 1967 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
	Ông CHRISTOPHER ĐỖ NGHĨA Thành viên HĐQT độc lập không điều hành Sinh năm 1959 Kỹ sư cơ khí
	Ông VŨ QUÝ HIỆU Thành viên HĐQT độc lập không điều hành Sinh năm 1977 Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
	Ông NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH Thành viên HĐQT độc lập không điều hành Sinh năm 1982 Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
	Ông NGÔ AN HÒA Trưởng Ban kiểm soát – Thành viên độc lập Sinh năm 1984 Cử nhân kinh tế
	Ông NGUYỄN VĂN HƯNG Kiểm soát viên chuyên trách Sinh năm 1977 Kỹ sư cơ khí
	Ông ĐẶNG QUỐC VƯƠNG Kiểm soát viên - Thành viên độc lập Sinh năm 1985 Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp
	Ông TRẦN QUANG ĐÁN Phó Tổng Giám Đốc Sinh năm 1963 Kỹ sư máy xây dựng, kỹ sư quản trị doanh nghiệp
	Ông BUI VĂN ĐẢN Phó Tổng Giám Đốc Sinh năm 1965 Kỹ sư Công nghệ Dầu khí, Cử nhân Anh văn
	Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI Phó Tổng Giám Đốc Sinh năm 1973 Kỹ sư kinh tế vận tải biển – cử nhân kế toán kiểm toán
	Bà LÊ THỊ THU GIANG Kế toán trưởng Sinh năm 1973 Cử nhân tài chính kế toán

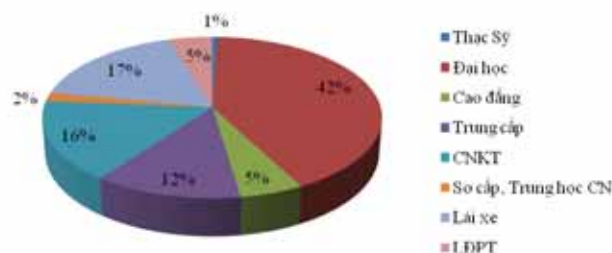
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không

4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và tuân thủ theo quy chế Công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số CBCNV của Công ty tính đến ngày 31/12/2011 là: 168 CBCNV trong đó có trình độ đại học và trên đại học chiếm hơn 42%.
- Trong năm 2011, các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và các chế độ khác góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



6. Văn hóa doanh nghiệp

Với mong muốn Công ty trở thành gia đình lớn của mọi nhân viên, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp đặc trưng của mình, nhằm giúp mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi người có chung niềm tự hào là một thành viên của gia đình CNG VIETNAM.

Một trong những hoạt động điển hình của Văn hóa CNG VIETNAM là:

- Áp dụng chính sách Open Door với mọi cấp trong công ty nhưng vẫn giữ tinh thần tôn trọng các cấp quản lý trung gian.
- Thường xuyên khuyến khích nhân viên phát huy sáng tạo, khích lệ, khen thưởng những thành quả, sáng kiến tốt.
- Cấp trên luôn nhiệt tình và hướng dẫn cấp dưới.



7. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

- Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Đăng Trình thay thế bà Đinh Thị Thủy.
- Ban Tổng Giám Đốc: Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Hải làm Phó Tổng giám đốc Tài chính Công ty.
- Ban kiểm soát: Ông Ngô An Hòa làm Trưởng Ban Kiểm soát thay thế bà Đỗ Thị Huyền

III. Báo cáo Hội đồng Quản trị

1. Những Con Số Ấn Tượng

CNG VIETNAM 2011

Trong năm 2011, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty, và cùng với quyết tâm cao, tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong Công ty, các chỉ tiêu kế hoạch đều được thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2011 được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:

747,94

 Tỷ đồng

Doanh thu

226,91

 Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

203,45

 Tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2011	THỰC HIỆN 2011	TH/KH (%)
1	Sản lượng	SM3	50.000.000	53.610.106	107
2	Doanh thu	Tỷ đồng	657,65	747,94	114
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	200,73	226,91	113
4	Thuế	Tỷ đồng	20,48	23,46	115
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	180,26	203,45	113
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	88,91	100,16	113

Năm 2011, với sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/04/2011 đề ra.

Để đạt được kết quả về doanh thu và lợi nhuận đáng kể như trên, Công ty đã có những giải pháp kịp thời về chiến lược phát triển khách hàng tại các khu công nghiệp thuộc Bình Dương, Đồng Nai, Hồ Chí Minh, Long An..., linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư và triển khai dự án đáp ứng nhu cầu kịp thời của khách hàng.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011

Tăng vốn điều lệ lên 203,12 tỷ đồng. Ngày 23/11/2011 Cổ phiếu CNG VIETNAM niêm yết chính thức trên HOSE.

Việc CNG VIETNAM niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty nhằm khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



4. Tình hình đầu tư

Để đáp ứng nhu cầu khí ngày càng tăng của khách hàng, CNG VIETNAM đang tập trung dự án sau:

- Mở rộng và tăng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ.
- Nghiên cứu đầu tư các nhà máy nén khí tại các khu vực khác trong giai đoạn 2012 – 2015.
- Nghiên cứu đầu tư hệ thống phân phối LNG để có thể bắt đầu kinh doanh LNG khi có nguồn nhập khẩu của PVGAS dự kiến vào năm 2014.

5. Triển vọng trong tương lai

Trong bối cảnh toàn thế giới nỗ lực chống biến đổi khí hậu, các loại nhiên liệu phát thải khí gây ô nhiễm môi trường bị hạn chế sử dụng, các loại nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường được khuyến khích sử dụng. Sớm nhận thấy xu hướng tất yếu sử dụng nhiên liệu sạch, ngày 03/9/2008, Nhà máy CNG đầu tiên tại Việt Nam đi vào hoạt động, công suất 30triệu m³ khí/năm.

Sau 1 thời gian ngắn, CNG chứng minh ưu điểm vượt trội so với 1 số nhiên liệu (FO, DO, LPG), các doanh nghiệp đã bắt đầu chuyển sang sử dụng CNG như nguồn nhiên liệu thay thế.

Theo dự báo của Viện nghiên cứu chiến lược, tổng nhu cầu năng lượng của Việt Nam sẽ đạt khoảng 65 - 72 triệu tấn dầu quy chuẩn (TOE) năm 2015 và 97 - 123 triệu TOE năm 2025. Về cơ cấu sử dụng, việc tiêu thụ các nguyên liệu sạch nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như khí đốt, LPG... sẽ gia tăng nhanh chóng.

Với nhu cầu ngày càng tăng và tính ưu việt của khí tự nhiên, triển vọng phát triển của ngành khí nói chung, cũng như của các sản phẩm khí nói riêng là rất khả quan và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của phát triển bền vững của Việt Nam cũng như của thế giới.



IV. Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc



Sau gần 5 năm hình thành và phát triển, CNG VIETNAM đã có những bước tiến vượt bậc về sản lượng, doanh thu cũng như tài sản, nguồn vốn và đây là tiền đề cho sự hoạt động ổn định, phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo...

1. Kết quả hoạt động SXKD 2011

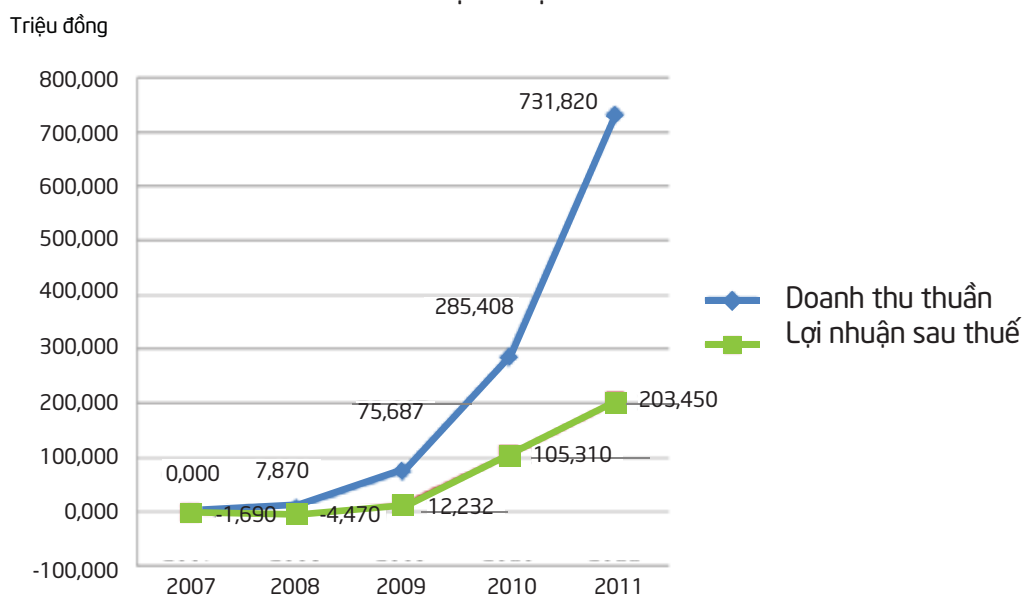
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tăng trưởng	
	(1)	(2)	(3)	(3/1)	(3/2)
Doanh thu thuần	285.408	652.380	731.819	256%	112%
Lợi nhuận trước thuế	105.702	200.730	226.905	193%	113%
Lợi nhuận sau thuế	105.310	180.260	203.449	215%	113%

Nguyên nhân:

- Nhu cầu sử dụng khí CNG ngày càng cao do nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu biết đến các tính năng ưu việt của khí CNG so với các nguồn nguyên liệu khác.
- Quy mô sản xuất và tiêu thụ ngày càng được mở rộng.

Biểu đồ tăng trưởng
Doanh thu thuần - lợi nhuận sau thuế



2. Tình hình tài chính

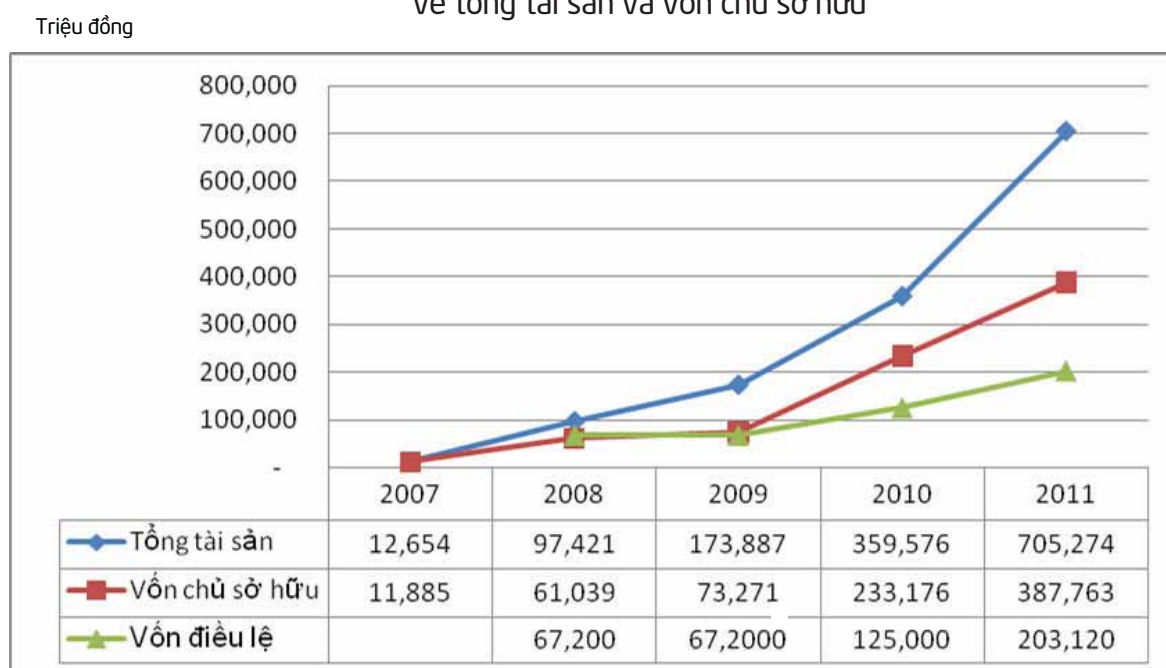
2.1 Tài sản nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng tài sản	12.654	97.421	173.887	359.576	705.274
Tài sản ngắn hạn	11.189	29.804	68.495	182.823	396.382
Tài sản dài hạn	1.465	67.616	105.392	176.754	308.892
Tổng nợ phải trả	769	36.382	100.617	126.400	317.510
Nợ ngắn hạn	769	14.700	50.566	86.701	207.355
trong đó Vay ngắn hạn	-	-	24.233	31.054	61.947
Nợ dài hạn	-	21.681	50.050	39.699	110.155
trong đó vay dài hạn	-	21.557	49.976	37.625	110.079
Vốn chủ sở hữu	11.885	61.039	73.271	233.176	387.763
Trong đó vốn điều lệ	13.570	67.200	67.200	125.000	203.120
EPS		(666)	1.820	13.742	10.016

Qua 5 năm thành lập và phát triển, tài sản và nguồn vốn của Công ty đã có bước tăng trưởng mạnh mẽ. Tổng tài sản và nguồn vốn cuối năm 2011 đạt trên 705 tỷ đồng, gấp đôi năm 2010 và gấp 55 lần so với năm đầu tiên thành lập 2007. Sự lớn mạnh về tổng tài sản và nguồn vốn là tất yếu, vừa là tiền đề và vừa là kết quả của sự tăng trưởng ngoạn mục về doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong giai đoạn 2009-2011

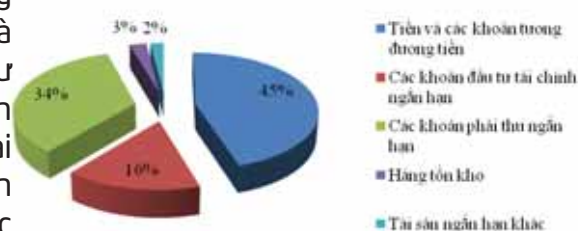
Biểu đồ tăng trưởng
về tổng tài sản và vốn chủ sở hữu



Tài sản ngắn hạn.

Tài sản ngắn hạn của Công ty cuối năm 2011 tăng hơn 2 lần so với cuối năm 2010, trong đó phần lớn là các khoản tiền và tương đương tiền (45.2%), đầu tư tài chính ngắn hạn (15.8%) và khoản phải thu ngắn hạn (34.5%). Hàng tồn kho rất ít, chỉ chiếm 2.5% tài sản ngắn hạn. Điều này cho thấy Công ty hoàn toàn ở thế chủ động trong việc sử dụng dòng tiền vào các hoạt động SXKD và đầu tư mở rộng

Cơ cấu tài sản ngắn hạn



Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn của Công ty năm 2011 tăng 1.75 lần, tương ứng tăng thêm 132 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, trong đó chủ yếu tăng mạnh máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

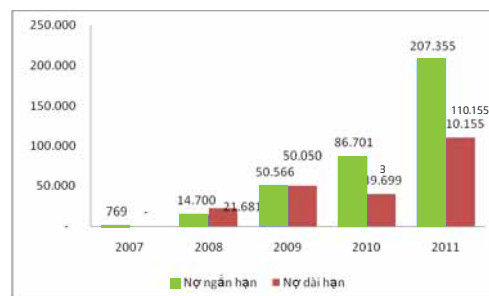
Nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 317 tỷ đồng, tăng 2.5 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó bao gồm 207 tỷ đồng là các khoản nợ ngắn hạn (tăng 120 tỷ đồng so với năm 2010) và 110 tỷ đồng là nợ dài hạn (tăng 70 tỷ đồng so với 2010).

Sở dĩ nợ ngắn hạn của Công ty tăng mạnh trong năm 2011 là do:

- (i) sản lượng tiêu thụ tăng gấp đôi so với năm trước, kéo theo khoản phải trả người bán (nhà cung cấp khí đầu vào) tăng nhanh, từ 38 tỷ đồng năm 2010 lên 103 tỷ đồng năm 2011;
- (ii) các khoản vay và nợ ngắn hạn cũng tăng gấp đôi năm 2010 chủ yếu là do tăng các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 và;
- (iii) một khoản tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt với tỉ lệ 15% vốn điều lệ đã được phê duyệt nhưng chưa đến hạn trả.

ĐVT: Triệu đồng



Khoản tăng trong nợ dài hạn của Công ty so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là khoản vay trung hạn để tài trợ cho việc đầu tư thêm một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, phục vụ việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù, nợ phải trả có tăng hơn so với năm trước nhưng tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng tài sản chỉ là 45% và tỷ trọng Nợ vay/Vốn chủ sở hữu cũng chỉ ở mức 44%, được xem là mức an toàn đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn hiện nay.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm hoạt động. Đến cuối năm 2011, vốn chủ sở hữu của Công ty đã đạt 387.7 tỷ đồng, gấp 32 lần so với năm 2007 và gấp 1.67 lần năm 2010, trong đó chủ yếu là tăng từ lợi nhuận sau thuế và vốn điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế của Công ty là một chỉ tiêu tăng trưởng mạnh nhất và thể hiện rõ nhất chiến lược kinh doanh đúng đắn và hiệu quả của Công ty. Với 4 năm sản xuất kinh doanh, từ mức thua lỗ hơn 4 tỷ đồng năm 2008, Công ty đã làm ăn có lãi ở mức 12 tỷ đồng năm 2009 và đạt mức lợi nhuận sau thuế vượt trội trong hai năm tiếp theo (2010-2011), tương ứng là 105 và 203 tỷ đồng.

Để tăng năng lực và mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đã huy động mọi nguồn vốn, trong đó không thể thiếu việc huy động vốn từ cổ đông. Vốn điều lệ của Công ty, vì vậy, cũng có sự thay đổi đáng kể, từ vốn thực góp ban đầu là hơn 13 tỷ đồng năm 2007 đã tăng lên 203 tỷ đồng cuối năm 2011.

Điểm đáng chú ý là mặc dù vốn điều lệ tăng nhanh nhưng EPS năm 2011 của Công ty vẫn vượt trên 10.000 đồng - một con số đáng khích lệ đối với các doanh nghiệp hiện nay

2.2 Phân tích chỉ tiêu tài chính:

1.1 Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011
1. Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn/TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,35	2,11	1,9
Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,35	2,05	1,86
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ phải trả /Tổng tài sản	lần	0,57	0,35	0,45
Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu	lần	1,01	0,29	0,44
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	187,02	59,5	61,5
Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,56	1,07	1,37
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (NPM)	%	16,16	36,9	27,80
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	18,21	68,73	65,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	%	9,02	39,48	38,21

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 của CNG VIETNAM

Kết quả sản xuất kinh doanh luôn đạt và duy trì ở mức cao, năm sau cao hơn năm trước, góp phần làm cho tình hình tài chính của Công ty ngày càng vững mạnh. Tất cả các chỉ tiêu tài chính qua các năm đều tích cực, thể hiện rõ tiềm lực tài chính và khả năng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo. Đặc biệt, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều cao vượt trội so với một số doanh nghiệp tiêu biểu cùng ngành.

Một số DN tiêu biểu cùng ngành	NPM	ROA	ROE	EPS	BV
PGD	9.09	22.45	38.06	7,081	20,471
PGS	5.95	11.9	63	6,231	19,398
PVG	3.73	10.66	39.68	5,271	15,471
Trung bình	6.26	15.00	46.91	6,194	18,447
CNG	27.8	38.21	65.53	10,016	19,090

Nguồn: Vietstock.vn

Các chỉ tiêu đo lường khả năng thanh toán của Công ty đều cao hơn 1. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động, bao gồm Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tài sản đều thay đổi tích cực qua các năm, đặc biệt, vòng quay hàng tồn kho năm 2011 của Công ty đạt mức 61.5 vòng/năm, thời gian tồn kho bình quân (365 ngày/ 61.5 vòng) của thành phẩm chỉ khoảng 6 ngày. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là cung cấp khí CNG cho các hộ tiêu thụ đã đăng ký sử dụng trước, thời gian dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, do vậy lượng tồn kho thành phẩm của Công ty luôn ở mức rất thấp.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản, hệ số nợ vay/ vốn chủ sở hữu năm 2011 vẫn được duy trì ở mức thấp hơn nhiều (0,45 và 0,44) so với các doanh nghiệp cùng ngành. Đây là tín hiệu tốt cho thấy CNG VIETNAM đang chủ động nguồn vốn đầu tư của mình, vừa tránh sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay, vừa sử dụng tốt lợi thế của đòn bẩy tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh.

3. Giá trị sổ sách & Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2011)	Đồng	387.763.539.879
Nguồn vốn cổ phần	Đồng	203.120.380.000
Giá mỗi cổ phần	Đồng	10.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	Cổ phần	20.312.038
Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	19.090

4. Cổ tức và những thay đổi vốn điều lệ

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 125.000.000.000 đồng lên 203.120.380.000 đồng trong năm 2011 bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu (40%) và thưởng cổ phiếu

5. Cổ tức

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện trả cổ tức cho cổ đông như sau:

- Trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng cổ phiếu với tỉ lệ 30% vốn điều lệ, tương ứng với 37,5 tỷ đồng.
- Tạm ứng 25% cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 14/04/2011, trong đó:
 - + Chi bằng tiền mặt là 15% trên vốn điều lệ tương ứng với 30,5 tỷ đồng
 - + Chi bằng cổ phiếu là 10% trên vốn điều lệ tương ứng 16,3 tỷ đồng.
- HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 dự kiến là 70% trên vốn điều lệ (VDL: 213,12 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/2012 ngày 27/02/2012 và sẽ trình trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 về vấn đề này.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

6.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2011	KH năm 2012
I	Sản lượng	SM³	53.610.106	65.000.000
		mmBTU	2.152.956	2.600.000
II	Doanh thu	Tỷ đ	747,94	871,76
a	Doanh thu bán khí	Tỷ đ	731,82	851,76
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đ	15,96	20,00
c	Doanh thu khác	Tỷ đ	0,16	0,00
III	Lao động, tiền lương			
1	Lao động bình quân	người	156	172
2	Lương bình quân	Trđ/người	14,00	17,00
IV	Nộp ngân sách	Tỷ đ	47,06	25,56
V	Đầu tư XDCB	Tỷ đ	242,45	106,50
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	204,08	115,50

6.2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

a. Giải pháp về sản xuất:

- Đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ kỹ thuật để làm chủ được công tác bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tất cả các sự cố trong dây chuyền sản xuất, vận chuyển và phân phối.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển phù hợp với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch BDSC.
- Phối hợp chặt chẽ với PV Gas, PV Gas D, PV Gas South để đảm bảo nguồn khí cấp ổn định cho khách hàng.

b. Giải pháp về an toàn:

- Triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn sự cố.
- Cải tiến và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 vào quá trình SXKD của Công ty.
- Cán bộ an toàn duy trì và phát huy việc thường xuyên có mặt tại khu vực sản xuất để đôn đốc, nhắc nhở người lao động thực hiện đúng các quy định về ATLĐ, ATGT, PCCN và thường xuyên thực hiện công tác huấn luyện an toàn, diễn tập PCCN.
- Chú trọng công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường nhằm không để xảy ra tai nạn, sự cố trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG. Quyết liệt xử lý và loại bỏ các tình trạng, điều kiện mất an toàn.
- Hoàn thành kế hoạch bảo hộ lao động năm 2012.

c. Giải pháp về thị trường:

- Đảm bảo thực hiện dịch vụ tốt nhất nhằm thỏa mãn nhu cầu của các khách hàng hiện tại gây hiệu ứng trong việc phát triển khách hàng mới.
- Tập trung vào thị trường là các khách hàng nhỏ lẻ để phục vụ dự án cấp khí qua trạm trung tâm.
- Phát triển thị trường khí theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm CNG, LNG.

d. Giải pháp về tài chính – kế toán:

- Chủ động thu xếp các nguồn vốn ưu đãi, cạnh tranh.
- Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- Sử dụng vốn, quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính.
- Phối hợp tốt với các đối tác tư vấn về thị trường chứng khoán, truyền thông nhằm đạt hiệu quả PR cho cổ phiếu CNG trên sàn HOSE.

e. Giải pháp về đầu tư xây dựng:

- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo dự án được triển khai và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra;
- Tuân thủ, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật trong đầu tư xây dựng.
- Theo dõi, đôn đốc và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản.

f. Giải pháp về tổ chức, nhân sự:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm, tổ chức đào tạo, đào tạo lại và đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ tay nghề của CBCNV.
- Thường xuyên rà soát nhân sự trong công ty để bố trí, luân chuyển nội bộ nhằm phát huy hết các khả năng của người lao động và hạn chế tuyển dụng mới.

V. Báo cáo tài chính kiểm toán 2011

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
	Ông Chirstoppher Đỗ Nghĩa	Thành viên
	Bà Đinh Thị Thủy	Thành viên
	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên
	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên
	Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ban Giám đốc.	Ông Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Đặng Văn Vĩnh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		396.381.629.464	182.822.614.720
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	179.293.614.903	92.714.464.442
1. Tiền	111		7.844.958.923	23.714.464.442
2. Các khoản tương đương tiền	112		171.448.655.980	69.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	62.550.000.000	6.100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		63.100.000.000	6.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(550.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.599.511.989	78.715.107.848
1. Phải thu khách hàng	131		123.137.046.640	62.871.772.514
2. Trả trước cho người bán	132		244.886.750	8.224.765.005
3. Các khoản phải thu khác	135		13.217.578.599	7.618.570.329
IV. Hàng tồn kho	140	7	10.005.661.391	4.802.428.530
1. Hàng tồn kho	141		10.005.661.391	4.802.428.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.932.841.181	490.613.900
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.982.681.826	-
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.242.520.356	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.707.638.999	490.613.900
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		308.892.183.129	176.753.616.245
I. Tài sản cố định	220		292.344.422.568	176.517.483.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	248.982.639.215	157.913.301.509
- Nguyên giá	222		361.997.055.835	188.547.553.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.014.416.620)	(30.634.251.587)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	42.011.397.204	-
- Nguyên giá	225		42.086.821.615	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(75.424.411)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	3.045.411
- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.013.700)	(30.968.289)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.350.386.149	18.601.136.664
II. Tài sản dài hạn khác	260		16.547.760.561	236.132.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.430.492.561	106.082.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.117.268.000	130.050.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		705.273.812.593	359.576.230.965

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		317.510.272.714	126.399.745.644
I. Nợ ngắn hạn	310		207.355.476.800	86.700.886.768
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	61.946.897.154	31.053.738.106
2. Phải trả người bán	312		103.071.909.159	37.970.883.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.207.837.023	1.687.716.046
4. Phải trả người lao động	315		6.465.152.451	5.537.569.912
5. Chi phí phải trả	316		1.792.942.442	9.746.471.676
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		30.870.233.571	704.507.436
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		505.000	-
II. Nợ dài hạn	330		110.154.795.914	39.698.858.876
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	110.078.688.914	37.625.259.254
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		76.107.000	73.599.622
3. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN	400		387.763.539.879	233.176.485.321
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	387.763.539.879	233.176.485.321
1. Vốn điều lệ	411		203.120.380.000	125.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.485.556.241	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.141.013.212	610.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		159.320.910.426	105.870.805.321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		705.273.812.593	359.576.230.965



Đặng Văn Vĩnh

Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Lê Thị Thu Giang
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		731.819.397.656	285.408.426.599
2. Doanh thu thuần	10		731.819.397.656	285.408.426.599
3. Giá vốn hàng bán	11		(455.538.486.651)	(153.935.070.048)
4. Lợi nhuận gộp	20		276.280.911.005	131.473.356.551
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	15.955.936.860	4.019.579.089
6. Chi phí tài chính	22	18	(28.514.866.146)	(8.450.376.465)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(26.064.097.664)	(7.216.990.838)
7. Chi phí bán hàng	24		(6.201.241.726)	(2.782.423.761)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(26.500.198.908)	(18.044.154.634)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		231.020.541.085	106.215.980.780
10. Thu nhập khác	31		163.116.154	516.437.873
11. Chi phí khác	32		(4.278.499.434)	(1.030.331.299)
12. Lỗ từ hoạt động khác	40		(4.115.383.280)	(513.893.426)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		226.905.157.805	105.702.087.354
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(23.456.470.472)	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(391.955.238)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		203.448.687.333	105.310.132.116
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	10.016	13.742



Đặng Văn Vĩnh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Lê Thị Thu Giang

Kế Toán Trưởng

Báo cáo tài chính kiểm toán 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.905.157.805	105.702.087.354
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	82.458.634.855	20.385.813.119
Các khoản dự phòng	03	550.000.000	2.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.119.558.176	1.104.022.934
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.718.309.266)	(4.019.579.089)
Chi phí lãi vay	06	26.064.097.664	7.413.336.866
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	321.379.139.234	132.585.681.184
Tăng các khoản phải thu	09	(61.062.680.336)	(53.746.987.075)
Tăng hàng tồn kho	10	(5.203.232.861)	(4.430.161.586)
Tăng các khoản phải trả	11	63.896.028.095	14.193.894.810
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(16.307.091.726)	289.860.554
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.187.620.717)	(6.626.371.888)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.406.345.495)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	505.828.088
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.962.814.493)	(3.788.124.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	250.145.381.701	78.983.619.731
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(208.815.380.496)	(76.238.155.000)
2. Tiền chi đầu tư	23	(57.000.000.000)	(3.100.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư	24	-	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.522.118.724	3.513.751.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(253.293.261.772)	(71.824.403.999)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	-	59.495.680.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	190.630.718.299	33.309.982.412
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(88.403.687.767)	(40.076.345.490)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(12.500.000.000)	(3.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	89.727.030.532	49.369.316.922
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	86.579.150.461	56.528.532.654
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.714.464.442	36.053.940.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	131.991.393
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	179.293.614.903	92.714.464.442

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 5.660.880.610 đồng (năm 2010: 16.190.687.267 đồng), là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng tiền 30.470.610.000 đồng nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Đặng Văn Vĩnh

Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 2 năm 2012



Lê Thị Thu Giang
Kế Toán Trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 60,34%) và IEV Group (sở hữu 10,76%) được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 28,90% vốn cổ đông.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 168 người (năm 2010: 142 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 70.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 22.

CNG

Báo cáo thường niên 2011

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản kí quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10	10
Máy móc và thiết bị	3 - 10	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4	3 - 4
Phương tiện vận tải	3 - 6	6 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

5. Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	116.220.432	271.989.853
Tiền gửi ngân hàng	7.728.738.491	23.442.474.589
Các khoản tương đương tiền	171.448.655.980	69.000.000.000
	179.293.614.903	92.714.464.442

6. Đầu Tư Tài Chính Ngắn Hạn

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	3.000.000.000
Cổ phiếu PVGas	3.100.000.000	3.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(550.000.000)	-
	62.550.000.000	6.100.000.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ủy thác tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với kỳ hạn 12 tháng theo lãi suất huy động tiền gửi 12 tháng của PVFC và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu PVGas với giá mua là 31.000 đồng/cổ phiếu.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên vật liệu	8.940.966.506	4.555.165.571
Công cụ, dụng cụ	49.210.017	21.507.480
Thành phẩm	1.015.484.868	225.755.479
	10.005.661.391	4.802.428.530

8. Tài Sản Cố Định Hữu Hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	1.275.798.602	70.979.828.979	115.328.272.405	963.653.110	188.547.553.096
Tăng	-	53.991.845	933.636.364	326.202.530	1.313.830.739
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	59.420.162.349	112.731.505.841	-	172.151.668.190
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(15.996.190)	(15.996.190)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.275.798.602</u>	<u>130.453.983.173</u>	<u>228.993.414.610</u>	<u>1.273.859.450</u>	<u>361.997.055.835</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	265.545.519	15.069.720.874	14.768.885.554	530.099.640	30.634.251.587
Khấu hao trong năm	127.579.860	24.172.700.462	57.772.264.091	320.485.060	82.393.029.473
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.864.440)	(12.864.440)
Tại ngày 31/12/2011	<u>393.125.379</u>	<u>39.242.421.336</u>	<u>72.541.149.645</u>	<u>837.720.260</u>	<u>113.014.416.620</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>882.673.223</u>	<u>91.211.561.837</u>	<u>156.452.264.965</u>	<u>436.139.190</u>	<u>248.982.639.215</u>
Tại ngày 1/1/2011	<u>1.010.253.083</u>	<u>55.910.108.105</u>	<u>100.559.386.851</u>	<u>433.553.470</u>	<u>157.913.301.509</u>

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng của tài sản cố định và xác nhận các tỷ lệ khấu hao này sẽ được Công ty áp dụng cho các năm tiếp theo. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2011 sẽ giảm 30.856.670.048 đồng. Theo đó, lợi nhuận trong năm 2011 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

Theo trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14, Công ty đã thế chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 162.628.311.067 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 89.643.904.359 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 295.755.566 đồng (năm 2010: không đồng).

9. Tài Sản Thuê Tài Chính

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011	-
Tăng trong năm	42.086.821.615
Tại ngày 31/12/2011	<u>42.086.821.615</u>
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	-
Khấu hao trong năm	75.424.411
Tại ngày 31/12/2011	<u>75.424.411</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	<u>42.011.397.204</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>-</u>

Tài sản thuê tài chính thể hiện năm (5) bồn chứa khí CNG composite, loại 40ft thuê từ công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn 36 tháng kể từ ngày nhận nợ.

10. Chi Phí Xây Dựng Cơ Bản Dở Dạng

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh (chi phí lắp đặt trạm)	596.732.240	18.370.853.525
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	<u>753.653.909</u>	<u>230.283.139</u>
	<u>1.350.386.149</u>	<u>18.601.136.664</u>

Công ty đã thế chấp giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại 31 tháng 12 năm 2011 là 0 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2010: 18.370.853.525 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

11. Chi Phí Trả Trước Dài Hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản trả trước tiền thuê diện tích 13.000 mét vuông đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.

12. Vay Và Nợ Ngắn Hạn

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nợ dài hạn đến hạn trả	50.797.769.154	31.053.738.106
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	<u>11.149.128.000</u>	<u>-</u>
	<u>61.946.897.154</u>	<u>31.053.738.106</u>

13. Thuế Và Các Khoản Phải Nộp Nhà Nước

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.513.910.920
Thuế thu nhập cá nhân	157.712.046	173.805.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.050.124.977</u>	<u>-</u>
	<u>3.207.837.023</u>	<u>1.687.716.046</u>

14. Vay Và Nợ Dài Hạn

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay dài hạn	89.638.622.054	37.625.259.254
Nợ thuê tài chính dài hạn	<u>20.440.066.860</u>	<u>-</u>
	<u>110.078.688.91</u>	<u>37.625.259.254</u>

Tại ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 2,5 % đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 5% đối với đồng Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 24.009.212.495 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 31.563.759.443 đồng) và dòng tiền được tạo ra từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng tín dụng số 05/2008/HDTDTH-TCĐK-15-14 ngày 6 tháng 5 năm 2008.

Tại ngày 1 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2011 là 138.619.098.572 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 58.080.144.916 đồng) theo hợp đồng thế chấp số 286.10.002.0452897.TC.DN ngày 1 tháng 11 năm 2010.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	50.797.769.154	31.053.738.106
Trong năm thứ hai	29.728.480.000	24.491.259.254
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	59.910.142.054	13.134.000.000
	140.436.391.208	68.678.997.360
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(50.797.769.154)	(31.053.738.106)
Số phải trả sau 12 tháng	89.638.622.054	37.625.259.254

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính				
Trong vòng một năm	15.952.285.684	-	11.149.128.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.776.972.089	-	20.440.066.860	-
Sau năm năm	-	-	-	-
	39.729.257.773	-	31.589.194.860	-
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(8.140.062.913)	-	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	31.589.194.860	-	31.589.194.860	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(11.149.128.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng			20.440.066.860	-

15. vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần đã phát hành	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.312.038	12.500.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	203.120.380.000	125.000.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.312.038	12.500.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	203.120.380.000	125.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ đông VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận giữ lại VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	67.200.000.000	-	-	-	6.070.673.205	73.270.673.205
Vốn đã góp trong năm	57.800.000.000	1.695.680.000	-	-	-	59.495.680.000
Phân phối quỹ	-	-	-	610.000.000	(2.150.000.000)	(1.540.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	105.310.132.116	105.310.132.116
Số dư tại ngày 31/12/2010	125.000.000.000	1.695.680.000	-	610.000.000	105.870.805.321	233.176.485.321
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	203.448.687.333	203.448.687.333
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(42.968.057.000)	(42.968.057.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	78.120.380.000	-	(24.372.990.000)	-	(53.747.390.000)	-
Cổ phiếu lẻ chưa chi	-	-	-	-	(2.553.000)	(2.553.000)
Phân phối quỹ	-	-	36.858.546.241	10.531.013.212	(53.280.582.228)	(5.891.022.775)
Số dư tại ngày 31/12/2011	203.120.380.000	1.695.680.000	12.485.556.241	11.141.013.212	159.320.910.426	387.763.539.879

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21 tháng 1 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 40%/mệnh giá cổ phần trong đó 10% tương đương với số tiền là 12.500.000.000 đồng trả bằng tiền mặt và 30% tương đương với số tiền 37.499.430.000 đồng được thanh toán bằng việc phát hành 3.749.943 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13 tháng 9 năm 2011, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 16.249.940.000 tương đương 1.624.994 cổ phần và thưởng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 24.372.990.000 đồng tương đương 2.437.299 cổ phần.

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 30 tháng 11 năm 2011 và mục XIII điều 41 điều lệ công ty sửa đổi lần 5, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 30.468.057.000 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 36.858.546.241 đồng, 10.531.013.212 đồng và 5.891.022.775 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thường niên ngày 14 tháng 4 năm 2011.

Chi tiết góp vốn của các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 31/12 /2011 và 31/12/2010

	31/12/2011		31/12/2010	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	-	30.844.800.000	24,68
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	122.567.960.000	60,34	44.518.650.000	35,67
IEV Energy SDN.BHD	7.833.500.000	3,86	8.064.000.000	6,45
IEV Group	21.856.790.000	10,76	5.644.800.000	4,52

Trong năm, Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam 3.084.480 cổ phiếu, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội chuyển nhượng cho Công ty IEV Group 1.014.720 cổ phiếu và Công ty IEV Energy SDN.BHD chuyển nhượng cho các cổ đông nhỏ lẻ khác 384.180 cổ phiếu.

16. Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh Theo Yếu Tố

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.556.813.642	117.679.758.827
Chi phí nhân công	17.915.512.793	18.207.673.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.644.630.065	19.409.103.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.041.864.181	14.538.873.242
Chi phí khác	2.870.835.993	4.979.229.170
	489.029.656.674	174.814.638.332

17. Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	15.718.309.266	4.019.579.089
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.627.594	-
	15.955.936.860	4.019.579.089

18. Chi Phí Tài Chính

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền vay	26.064.097.664	7.216.990.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	426.919.646	129.362.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.119.558.176	1.104.022.934
Chi phí tài chính khác	904.290.660	-
	28.514.866.146	8.450.376.465

19. Chi Phí Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Hiện Hành

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	226.905.157.805	105.702.087.354
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.802.046.916	2.888.389.199
Thu nhập chịu thuế	231.707.204.721	108.590.476.553
Chuyển lỗ	-	(3.941.008.702)
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	1.905.000.000	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%	229.802.204.721	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 0%	-	104.649.467.851
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.456.470.472	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

20. Lãi Cơ Bản Trên Cổ Phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	203.448.687.333	105.310.132.116
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.312.038	7.663.467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.016	13.742

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được tính trên cơ sở số lượng cổ phiếu đã phát hành cộng với số lượng cổ phiếu tăng thêm do chi trả cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu trong năm.

21. Cam Kết Thuê Hoạt Động

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.722.194.323	2.669.699.806

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	2.611.752.403	2.668.608.956
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.209.388.144	8.175.411.824
Sau năm năm	25.559.928.878	28.370.852.210
	36.381.069.425	

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu:

- Tổng số tiền thuê 3.200 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 35I Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2008 đến ngày 20 tháng 12 năm 2010) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ ngày 21 tháng 12 năm 2010 đến ngày 20 tháng 10 năm 2012).

- Tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng với diện tích 6.800 m² tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là

22. Công Cụ Tài Chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.293.614.903	92.714.464.442
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.354.625.239	70.490.342.843
Đầu tư ngắn hạn	62.550.000.000	6.100.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn	3.117.268.000	130.050.000
Tổng cộng	381.315.508.142	169.434.857.285
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	172.025.586.068	68.678.997.360
Phải trả người bán và phải trả khác	133.942.142.730	38.675.391.028
Chi phí phải trả	1.792.942.442	9.746.471.676
Tổng cộng	307.760.671.240	117.100.860.064

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	10.473.212.254	18.858.200.647	65.632.862	51.056.575
Euro (EUR)	2.011.743.813	1.441.765.178	-	260.202

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Các khoản vay	61.946.897.154	110.078.688.914	172.025.586.068
Phải trả người bán và phải trả khác	133.942.142.730	-	133.942.142.730
Chi phí phải trả	1.792.942.442	-	1.792.942.442
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng công VNĐ
Các khoản vay	31.053.738.106	37.625.259.254	68.678.997.360
Phải trả người bán và phải trả khác	38.675.391.028	-	38.675.391.028
Chi phí phải trả	9.746.471.676	-	9.746.471.676

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.354.625.239	-	136.354.625.239
Đầu tư ngắn hạn	62.550.000.000	-	62.550.000.000
Các khoản kí quỹ dài hạn	-	3.117.268.000	3.117.268.000

31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.490.342.843	-	70.490.342.843
Đầu tư ngắn hạn	6.100.000.000	-	6.100.000.000
Các khoản kí quỹ dài hạn	-	130.050.000	130.050.000

23. Nghiệp Vụ Với Các Bên Liên Quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Mua hàng		
Công ty cổ phần khí thấp áp Việt Nam	310.510.289.468	94.385.233.605
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>29.818.897.655</u>	<u>1.930.830.639</u>
Doanh thu		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>51.020.775</u>	<u>1.465.092.095</u>
Cổ tức công bố trong năm		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	66.307.838.000	1.143.072.000
IEV Energy SDN.BHD	5.357.320.000	403.200.000
IEV Group	<u>9.252.084.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương, thưởng và thù lao	<u>3.906.189.330</u>	<u>3.015.418.186</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải trả thương mại		
Công ty cổ phần khí thấp áp Việt Nam	85.531.438.299	
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>5.228.935.994</u>	<u>156.618.445</u>
Cổ tức chưa chi trả		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	18.385.194.000	-
IEV Energy SDN.BHD	1.175.025.000	-
IEV Group	<u>3.278.518.500</u>	<u>-</u>
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>5.687.000.000</u>	<u>-</u>


Đặng Văn Vĩnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 2 năm 2012


Lê Thị Thu Giang
 Kế Toán Trưởng

Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán 2011 theo văn bản số: 68/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2012.

VI. Ý kiến Kiểm toán độc lập & Ban Kiểm soát

1. Ý kiến Kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến việc Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 và số 8 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2011 sẽ giảm 30.856.670.048 đồng. Theo đó, lợi nhuận trong năm 2011 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

2. Ý kiến Ban kiểm soát

Báo cáo tài chính kiểm toán 2011

Đồng ý theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Đánh giá tình hình hoạt động năm 2011 của CNG

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, nhưng với quyết tâm cao Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những quyết sách hết sức năng động, nhạy bén, sáng suốt để đưa Công ty vượt qua những khó khăn, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2011.

Mặt khác, các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty cũng đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả, đã đưa Công ty phát triển đúng hướng trong chiến lược phát triển chung, luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật nhà nước.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ theo đúng của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu. Trong năm 2011, Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành và hoàn thiện quy chế quản lý; tăng cường kiểm tra và chấn chỉnh việc tuân thủ các quy chế ban hành.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ.

Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

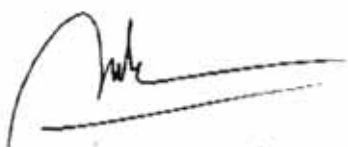
Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị

Nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty. Kính đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ năng lực và căn cứ chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã thực hiện tại Công ty từ năm 2007 đến nay, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2012, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TM Ban kiểm soát.



Ngô An Hòa
Trưởng ban kiểm soát

VII. Các Công ty liên quan

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty:

Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa Lỏng Miền Nam

- Là đơn vị nắm giữ quyền chi phối (60,34% vốn điều lệ) đối với Công ty
- Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng
- Đăng ký KD số: 4103007397 ngày 25/7/2007 và sửa đổi lần 1 ngày 22/08/2007
- Trụ sở chính: Lầu 4 PetroVietnam Tower, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I,



2. Các tổ chức nước ngoài nắm giữ cổ phần của Công ty

Công ty IEV GROUP SDN.BHD

- Là đơn vị nắm giữ 10,76% vốn điều lệ đối với Công ty
- Địa chỉ: Lot 4.100, Tingkat 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia



Công ty IEV ENERGY SDN. BHD

- Là đơn vị nắm giữ 3,86% vốn điều lệ đối với Công ty
- Địa chỉ: Lot 4.100, Tingkat 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia

3. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: Không có.

4. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không có.

VIII. Thông tin Cổ đông & Quản trị Công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011

Trong năm 2011, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình kinh tế chung, tình hình kết quả SXKD của Công ty để có những chỉ đạo sát sao, kịp thời. HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình theo quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thường xuyên tham gia vào các cuộc họp giao ban sản xuất, theo dõi và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và có những ý kiến chỉ đạo kịp thời nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động SXKD. Trong năm HĐQT đã xem xét, xử lý và quyết định một số vấn đề chính, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	20/QĐ-HĐQT	08/02/2011	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011
2	55/QĐ-CNG	29/03/2011	Phê duyệt chi trả cổ tức Đợt 2 năm 2010 bằng cổ phiếu
3	76/QĐ- CNG	25/04/2011	Bổ nhiệm Phó TGD phụ trách tài chính
4	86/QĐ- CNG	16/05/2011	Phê duyệt quy chế làm việc của HĐQT (sửa đổi lần 2)
5	104/QĐ- CNG	23/05/2011	Phê duyệt đầu tư bổn bổ sung năm 2011
6	139/QĐ- CNG	24/06/2011	Ban hành Quy trình công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
7	149/QĐ - CNG	27/06/2011	Quyết định chi thưởng Ban điều hành năm 2010
8	152/QĐ – CNG	30/06/2011	Phê duyệt bộ hồ sơ niêm yết cổ phiếu CNG
9	168/QĐ - CNG	21/07/2011	Ban hành Quy chế tổ chức và quản lý công tác đào tạo của CNG Việt Nam
10	209/QĐ - CNG	29/08/2011	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011
11	05/NQ-HĐQT/2011	10/11/2011	Phê duyệt giá khởi điểm chào sàn cổ phiếu CNG là 29000 đồng/cp.
12	289/QĐ-CNG	11/11/2011	Phê duyệt định biên lao động và đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương năm 2011.
13	05/NQ-HĐQT/2011	30/11/2011	Phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ.
14	312/QĐ-CNG	15/12/2011	Phê duyệt định mức nhiên liệu cho xe Hyundai 29 chỗ và điều chỉnh mức nhiên liệu xe Ford Pick up.

2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Bên cạnh đó, các thành viên đều xem xét và đóng góp ý kiến các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để Chủ tịch HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan.

3. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: HĐQT không thành lập tiểu ban.

4. Hoạt động của ban Kiểm soát

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, các quy định, quy chế, quy trình của Công ty;
- Giám sát công tác điều hành, quản lý của HĐQT, TGD, kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực, mức độ cẩn trọng của các cán bộ quản lý trong việc quản lý, điều hành Công ty. Tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp do HĐQT, họp giao ban Công ty hàng tháng,
- thẩm định các Báo cáo kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm 2011, giám sát các hoạt động mua bán, đầu thầu.

5. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	801,113,069	Chuyên trách
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	768,565,602	Kiểm nhiệm
3	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	62,460,000	Kiểm nhiệm
4	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	62,460,000	Kiểm nhiệm
5	Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên HĐQT	25,500,000	Kiểm nhiệm
6	Ông Ngô An Hòa	Trưởng BKS	21,250,000	Kiểm nhiệm
7	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	369,531,508	Chuyên trách
8	Ông Đặng Quốc Vương	Thành viên BKS	37,230,000	Kiểm nhiệm

6. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 11 người.

7. Tỷ lệ cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu đến 26/12/2011	
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.161.230	20,487
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	2.061.696	10,150
3	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	3.593.329	17,692
4	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	4.081.908	20,096
5	Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên HĐQT	2.031.204	10,000

(*) số lượng cổ phần các thành viên HĐQT đang nắm giữ bao gồm cả số lượng cổ phần đại diện cho các cơ quan chủ quan của chính thành viên đó)

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên (Số liệu đến 26/12/2011)

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Bà Lê Thị Thu Giang	Kế toán trưởng Công ty	17.875	0,088	21.875	0,112	Mua vào 4.000 CP

9. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

10. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn (Số liệu đến 26/12/2011)

10.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)	Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM	12.256.796	60,34%

10.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	Tòa nhà CEO, Lô HH2, KĐT mới Mễ Trì, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Đã chuyển nhượng hết cổ phần cho các cổ đông khác	
2	Công ty TNHH Sơn Anh	38/2A Đường số 2, Phường 7, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh		
3	Công ty IEV ENERGY SDN. BHD	Lot 4.100, Tầng 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	783.350	3,86%

10.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty IEV ENERGY SDN. BHD	Lot 4.100, Tầng 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	783.350	3,86%
2	Công ty IEV GROUP SDN.BHD	Lot 4.100, Tầng 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	2.185.679	10,76%
3	Christopher Đỗ Nghĩa	Lot 4.100, Tầng 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	624.300	3,07%

10.4 Công tác quan hệ cổ đông

Với phương châm “đầy đủ, kịp thời, minh bạch hóa thông tin” trong mối quan hệ với nhà đầu tư và cổ đông, lãnh đạo doanh nghiệp đã thành lập ban chuyên trách quan hệ đầu tư và chính thức ra mắt mục “quan hệ cổ đông” trên website của Công ty <http://www.cng-vietnam.com/vi/quan-he-co-dong.html>”.

Các thông tin cần công bố theo quy định, các sự kiện, tin tức quan trọng liên quan đến HĐ SXKD đều được Công ty công bố trên cổng thông tin này và các phương tiện thông tin đại chúng khác như báo Đầu tư chứng khoán, Vietstock, FPT,.... Đặc biệt, với mục đối thoại doanh nghiệp sẽ là cầu nối giúp cổ đông, nhà đầu tư và Công ty có thể trao đổi mọi thắc mắc một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Công ty hy vọng với những cố gắng tích cực trong công tác quan hệ cổ đông sẽ giúp Quý cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của CNG VIETNAM và góp phần đem lại hiệu quả cao nhất cho Quý cổ đông và nhà đầu tư khi quyết định đầu tư vào CNG VIETNAM.

IX. Các hoạt động của Công ty









Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam- CNG Vietnam Joint Stock Company.

Trụ sở chính: Số 35i, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.

Nhà máy: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15, Huyện Tân Thành, Bà Rịa- Vũng Tàu

ĐT: + 84 - 64 - 3574635 - Fax: + 84 - 64 - 3574619

www.cng-vietnam.com - Email: info@cng-vietnam.com